

Match the words (1-15) with their meaning (a-o)

1.Talkative

2.Rumor

3.At the end of the day

4.Scary

5.Orchestra

6.Apprasie

7.Insurance

8.Make money

9.Instill

10.Resonable

11.Special

12.Rural

13.Client

14.Less is more

15.Take a rest

a

bán nhạc

b

hoạt ngôn

c

đáng sợ

d

tin đồn

e

kiếm tiền

f

cuối cùng là

g

truyền dạy

h

đặc biệt

i

khách hàng

j

bảo hiểm

k

hoan nghênh

l

ngồi

m

hợp lí

n

càng đơn giản càng đẹp

o

từ xa